BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Số: 108 /QĐ-QLD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục 1064 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 164

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc,

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 1064 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 164.

Điều 2. Công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc lưu hành phải in số đăng ký được Bộ Y tế cấp lên nhãn thuốc và phải chấp hành đúng các quy định có liên quan tới sản xuất và lưu hành thuốc. Các số đăng ký có ký hiệu VD-...-19 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Công ty sản xuất và đăng ký chỉ được sản xuất và lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 143, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.

Điều 4. Đối với các thuốc ban hành kèm theo quyết định này thuộc danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc theo quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BYT ngày 03/5/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc; công ty đăng ký, cơ sở sản xuất phải cập nhật quy định về thuốc độc trên nhãn và hướng dẫn sử dụng theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc và chỉ được sản xuất, lưu hành thuốc trên thị trường sau khi Cục Quản lý Dược phê duyệt nội dung cập nhật này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giám đốc công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ CA;
- Cục Y tế giao thông vận tải- Bộ GTVT;
- Tổng Cục Hải Quan- Bộ Tài Chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế; Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TƯ và VKN thuốc TP.HCM;
- Tổng Công ty Dược VN - CTCP;
- Các bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc BYT;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược Mỹ phẩm – Cục QLD;
- Lưu: VT, KDD, ĐKT (15b).

CỤC TRƯỞNG

BỘ Y TẾ CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Vũ Tuấn Cường

829	Cefpovera 200 Cap	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32252-19
830	Stareclor 250 cap	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat) 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP40	Hộp 1, 3, 10 vỉ x 10 viên	VD-32253-19

118. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần US Pharma Hà Nội *(Đ/c: Số 1 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)*

118.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
831	Abvaceff 100	Mỗi gói 3g chứa Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil) 100mg	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 3g; Hộp 14 gói x 3g	VD-32254-19

119. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

119.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
832	Cadicort-N	Mỗi 1g kem chứa Fluocinolon acetonid 0,25mg; Neomycin sulfat (tương đương Neomycin base 3,5mg) 5mg	Kem bôi ngoài da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10 g, 15g	VD-32255-19
833	Cadifaxin 750	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat) 750mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD-32256-19
834	Cadinamic	Acid mefenamic 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; chai 100 viên	VD-32257-19
835	Caplexib 200	Celecoxib 200mg	Viên nang cứng (xanh-cam)	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 200 viên	VD-32258-19

836	Clomacid	Mỗi 1g kem chứa Clotrimazol 10mg	Kem bôi ngoài da	36 tháng	TCCS	Thùng 24 bọc x 10 hộp x 1 tuýp 10g	VD-32259-19
837	Finarid 5	Finasteride 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, 200 viên	VD-32260-19
838	Gabaneutril 100	Gabapentin 100mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, 150 viên, 200 viên	VD-32261-19
839	Nizatidin 150-US	Nizatidin 150mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 30 viên, 100 viên, 200 viên	VD-32262-19
840	Toprozil 250	Mỗi gói 4,5g thuốc bột chứa Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat) 250mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 14 gói, 20 gói x 4,5g	VD-32263-19
841	Usdeslor	Desloratadin 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, 200 viên	VD-32264-19

120. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco *(Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

120.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco *(Đ/c: 66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
842	Amoxicillin 500 mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng (kem-kem)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 300 viên, 500 viên	VD-32265-19
843	Bromhexin 8 mg	Bromhexin hydroclorid 8mg	Viên nén	48 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 30 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên	VD-32266-19

942	Glamivir	Lamivudin 100 mg	Viên nén	36 tháng	DĐVN IV	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	VD-32365-19
943	Glosardis 40	Telmisartan 40 mg	Viên nén	24 tháng	USP 40	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	VD-32366-19
944	Glosardis 80	Telmisartan 80 mg	Viên nén	24 tháng	USP 40	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	VD-32367-19

139. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn *(Đ/c: 511/15 Huỳnh Văn Bánh, Phường 14, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

139.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun *(Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
945	Cefdiri 250	Cefprozil (dưới dạng Ceprozil monohydrat) 250 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	VD-32368-19
946	Cefdiri 250	Mỗi gói 4,5g thuốc bột chứa Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat) 250mg	Thuốc bột pha hỗn dịch	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4,5g	VD-32369-19
947	Concef 200	Mỗi gói 4g chứa: Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4g	VD-32370-19
948	Solso	Alphachymotrypsin (tương đương 4,2 mg Alphachymotrypsin) 4200 đơn vị USP	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32371-19

139.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
949	Fexodenadin 60-HV	Fexofenadin hydrochlorid 60mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai	VD-32372-19

						200 viên	

140. Công ty đăng ký: công ty TNHH dược phẩm Ngân Thủy *(Đ/c: 267C Trịnh Đình Trọng, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM - Việt nam)*

140.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
950	Ofbexim 200	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32373-19

141. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Nhất *(Đ/c: Cụm CN Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Việt Nam)*

141.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Nhất *(Đ/c: Cụm CN Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
951	Tâm tâm xoang	Cao khô hỗn hợp dược liệu: 330mg (tương đương với: Thương nhĩ tử 500mg; Hoàng kì 620mg; Phòng phong 250mg; Tân di hoa 350mg; Bạch truật 350mg; Bạc hà 120mg; Kim ngân hoa 250mg; Bạch chỉ 320mg)	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 30 viên, 60 viên, 100 viên	VD-32374-19

142. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Sài gòn - Sagopha *(Đ/c: Số 27 VSIP - Đường số 6 - KCN Việt Nam-Singapore - Phường An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

142.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài gòn - Sagopha *(Đ/c: Số 27 VSIP - Đường số 6 - KCN Việt Nam-Singapore - Phường An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

1.042	TNPamragin	Paracetamol 500mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32465-19

165. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Tín *(Đ/c: 925 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

165.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận *(Đ/c: 192 Nguyễn Hội, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1.043	Mitidipil 4mg	Lacidipin 4mg	Viên nén phân tán	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32466-19

166. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Quốc tế Minh Việt *(Đ/c: 95 Đường 100 Bình Thới, phường 14, Quận 11, Tp.HCM -)*

166.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1.044	Esomeprazol 40-MV	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazol magnesium dihydrat) 40mg	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32468-19
1.045	Valsartan-MV	Valsartan 80mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32469-19

167. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Quốc tế Minh Việt *(Đ/c: 95 Đường 100 Bình Thới, phường 14, Quận 11, Tp.HCM - Việt Nam)*

167.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1.046	Rosuvastatin-MV	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci 10,4mg) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 50 viên, 100 viên, 200 viên	VD-32467-19

168. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Dược Phú Lâm Trang *(Đ/c: Số 36, Ngách 93/20, phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, TP. Hà Nội - Việt Nam)*

168.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam *(Đ/c: 192 Phố Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1.047	Zuzafox 40	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate) 40mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32470-19

169. Công ty đăng ký: Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ Trung Thành *(Đ/c: 351 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)*

169.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình *(Đ/c: Km 4 đường Hùng Vương - TP. Thái Bình - tỉnh Thái Bình - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1.048	Viafill 20mg	Tadalafil 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 2 viên	VD-32471-19

170. Công ty đăng ký: Công ty TNHH United International Pharma *(Đ/c: Số 16 VSIP II - Đường số 7 - Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II - Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương - Phường Hòa Phú - Tp. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

170.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH United International Pharma *(Đ/c: Số 16 VSIP II - Đường số 7 - Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II - Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương - Phường Hòa Phú - Tp. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1.049	Perosu	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-32472-19
1.050	Zincped	Mỗi 5ml chứa: Kẽm (dưới dạng Zinc Sulfate Mono hydrate) 20mg	Siro	24 tháng	TCCS	Hộp 01 chai 60ml	VD-32473-19

171. Công ty đăng ký: Công ty TNHH US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

171.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1.051	Cadicefaclor 500	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat 525mg) 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-32474-19
1.052	Cedotril 30	Racecadotril 30mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 14 gói, 20 gói x 3,0g	VD-32475-19
1.053	Cefaclor 250	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat 262,5mg) 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD-32476-19
1.054	Cefpodoxim 100-CGP	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil 130mg) 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 14 gói, 20 gói x 3g	VD-32477-19
1.055	Eraxicox 90	Etoricoxib 90mg	viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32478-19
1.056	Etodolac-US	Etodolac 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32479-19
1.057	Gutacin	Colchicin 1mg	viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 200 viên	VD-32480-19
1.058	Minson 4mg	Thiocolchicoside 4mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32481-19
1.059	Minson 8mg	Thiocolchicoside 8mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32482-19
1.060	Montelukast-US	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri 10,4mg) 10mg	viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32483-19
1.061	Podokid 100 (mùi tutti frutti)	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil 130mg) 100mg	Thuốc bột pha hỗn dịch	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 14 gói, 20 gói x 3g	VD-32484-19
1.062	Topalpha	Alphachymotrypsin (tương đương với 4,2 mg) 4200 đơn vị USP	viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32485-19

172. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Vạn Xuân *(Đ/c: 231 Chiến Lược, khu phố 18, P. Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*